

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 26-4-2024
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Đoàn Minh Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và bà Lê Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST – DS ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Bà Lê Thị Yên P, sinh năm 1978, Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

(Điều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Ngày 22-3-2019 bà Trần Thị M cho bà Lê Thị Yên P vay số tiền 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), có lãi suất, tuy mức lãi suất không ghi cụ thể trong giấy vay nhưng hai bên thỏa thuận thống nhất miệng mức lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 22 tháng 10 năm 2019 dương lịch sẽ trả cả gốc và lãi.

Bà M là người viết giấy vay tiền, bà P được bà M đọc lại cho nghe và sau khi nghe thì bà P tự nguyện ký và ghi tên trong giấy vay. Khi cho vay và viết giấy, hai bên hoàn toàn minh mẫn, tinh táo không bị ai ép buộc.

Đến hạn, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà M yêu cầu nhiều lần nhưng bà P hứa hẹn mãi không trả.

Việc bà P không trả nợ làm ảnh hưởng quyền lợi của bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả số tiền gốc 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23-10-2019 cho đến ngày trả xong nợ (ngày có bản án, quyết định của Tòa án).

Đơn khởi kiện bà M yêu cầu trả lãi suất bao gồm cả lãi suất trong thời gian vay từ ngày 22-3-2019 đến ngày 22-10-2019 và lãi suất chậm trả từ ngày 23-10-2019 tạm tính đến 10-11-2023, đều với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Nay bà M rút một phần yêu cầu đối với lãi suất trong thời gian vay (07 tháng = 241.230.000 đồng x 1,5%/tháng x 7 tháng = 25.329.150 đồng), chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả từ ngày 23-10-2019 cho đến ngày đến ngày trả xong nợ, với mức 1,5%/tháng. Yêu cầu trả 01 lần.

Việc vay mượn chỉ diễn ra giữa bà M và bà P, không liên quan đến bất cứ ai, đề nghị không đưa ai vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trong giấy vay có ghi tên con gái bà P là Lê Thị Bích N, nhưng thực tế chị N không có mặt, không làm chứng, không liên quan đến số tiền vay. Đề nghị không đưa chị N vào tham gia tố tụng.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Lê Thị Yến P trình bày:

Bà P thừa nhận toàn bộ trình bày của nguyên đơn về việc vay mượn số tiền 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), việc thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả, là hoàn toàn đúng sự thật.

Việc vay mượn chỉ diễn ra giữa bà M và bà P, không liên quan đến bất cứ ai, đề nghị không đưa ai vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trong giấy vay có ghi tên con gái bà P là Lê Thị Bích N, nhưng thực tế chị Nga không có mặt, không làm chứng, không liên quan đến số tiền vay. Đề nghị không đưa chị N vào tham gia tố tụng.

Bà P thừa nhận chữ ký, viết tên mình trong giấy vay là của bà P. Khi vay, bà hoàn toàn tự nguyện, minh mẫn.

Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý trả số tiền gốc đã vay và lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23-10-2019 cho đến ngày trả xong nợ, với mức 1,5%/tháng. Tuy nhiên bà không thể trả 01 lần, xin có nguyện vọng được trả dần.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M. Buộc bà Lê Thị Yến P phải trả cho bà Trần Thị M số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)

và lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23-10-2019 đến ngày 26-4-2024, với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất trong thời gian vay (07 tháng).

Về án phí, chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí, chi phí giám định theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị M yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Yến P trả số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) và lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23-10-2019 đến ngày 26-4-2024, với mức lãi suất 1,5%/tháng, theo giấy vay tiền ngày 22-3-2019. Bị đơn bà Lê Thị Yến P có địa chỉ tại Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 22-3-2019 nguyên đơn bà Trần Thị M cho bị đơn bà Lê Thị Yến P vay số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), có lãi suất, tuy không ghi cụ thể trong giấy vay nhưng hai bên thỏa thuận thống nhất mức lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 22 tháng 10 năm 2019 dương lịch sẽ trả cả gốc và lãi. Tính đến thời điểm khởi kiện, bà P chưa trả khoản tiền nào cho bà M.

Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi suất là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 22-3-2019, được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Quá trình giải quyết, các bên đều thừa nhận nội dung thỏa thuận theo giấy vay tiền ngày 22-3-2019, lãi suất và thời hạn trả nợ. Việc vay mượn chỉ diễn ra giữa bà M và bà P, không liên quan đến bất cứ ai, đề nghị không đưa ai vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trong giấy vay có ghi tên con gái bà P là Lê Thị Bích N, nhưng thực tế chị N không có mặt, không làm chứng, không liên quan đến số tiền vay, nên không đưa chị N vào tham gia tố tụng.

Các đương sự đều thừa nhận bà P còn nợ số tiền gốc 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng). Bà P cũng đồng ý trả bà M số tiền gốc 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) và lãi suất do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 23-10-2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng. Chấp nhận việc bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với lãi suất trong thời gian vay từ ngày 22-3-2019 đến ngày 22-10-2019.

Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều được biết và được Tòa án thừa nhận*”.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do bà P vi phạm nghĩa vụ trả số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, nên bà M khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

[2.3] Về lãi suất: Các đương sự đều thừa nhận khi vay thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với lãi suất trong thời gian vay từ ngày 22-3-2019 đến ngày 22-10-2019, chỉ yêu cầu giải quyết lãi suất chậm trả từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 23-10-2019 cho đến khi trả xong nợ. Xét mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, và bà P cũng đồng ý trả, nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất.

Căn cứ Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định lãi suất chậm trả từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 23-10-2019 cho đến ngày xét xử ngày 26-4-2024 (04 năm 06 tháng 03 ngày), cụ thể như sau:

241.230.000 đồng x 54 tháng 03 ngày x 1,5%/tháng = **195.758.145 đồng** (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm năm tám nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng).

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê Thị Yến P phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị M số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) và lãi suất chậm trả là 195.758.145 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm năm tám nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng số tiền phải trả là 436.988.145 đồng (bốn trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với lãi suất trong thời gian vay (07 tháng là 25.329.150 đồng, viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng).

Bà M yêu cầu trả 01 lần, bà P có nguyện vọng xin trả dần nhưng bà M không đồng ý. Xét thấy, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký và án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền chi phí giám định và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng chi phí giám định và tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Cụ thể:

- *Chi phí giám định:*

Chi phí giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn Lê Thị Yên P là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị M đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), theo biên lai thu tiền ngày 12-3-2024. Bà M đã nhận lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 24-4-2024 tại Tòa án. Bà P phải trả cho bà M số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

- *Án phí:*

Nguyên đơn bà Trần Thị M được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.856.000 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn bà Lê Thị Yên P phải nộp 21.479.525 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 280, 357, 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn bà Lê Thị Yên P.

- Buộc bị đơn bà Lê Thị Yên P phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị M số tiền gốc là 241.230.000 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) và lãi suất chậm trả là 195.758.145 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm năm tám nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng số tiền phải trả là 436.988.145 đồng (bốn trăm ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Lê Thị Yên P còn phải trả cho Trần Thị M lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với

thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với lãi suất trong thời gian vay (07 tháng).

2. Về chi phí giám định:

Bà Lê Thị Yên P phải trả cho bà Trần Thị M tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Yên P phải nộp 21.479.525 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền 10.856.000 đồng (mười triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002125 ngày 04-01-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đoàn Minh Hương

